

Số: 09 /NQ-HĐKĐCLGD

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 4 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Bình Dương

Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục (sau đây gọi là Hội đồng) thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng đã họp ngày 22/4/2018 để thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Bình Dương. Hội đồng đã nghiên cứu Hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục. Hội đồng đã nghe đại diện lãnh đạo Nhà trường báo cáo tóm tắt kết quả tự đánh giá, đại diện Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài báo cáo tóm tắt quy trình và tổng hợp kết quả đánh giá ngoài. Trên cơ sở đó, Hội đồng đã thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua kết quả đánh giá chất lượng giáo dục đối với Trường Đại học Bình Dương với số phiếu tán thành là 09/11/11.

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu của phiên họp, Hội đồng

QUYẾT NGHỊ:

1. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài Trường Đại học Bình Dương đã thực hiện đánh giá chất lượng đúng các quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch; kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường. Nhà trường cũng đồng ý với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Bình Dương cho thấy, số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 49 tiêu chí (trong tổng số 61 tiêu chí), chiếm 80,33%, trong đó, tất cả các tiêu chuẩn đều có ít nhất 01 tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (Phụ lục 1).

2. Kết quả đánh giá cho thấy, Nhà trường có những điểm mạnh (Phụ lục 2), tuy nhiên cũng còn những điểm cần phải khắc phục, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Căn cứ Hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị với Nhà trường các giải pháp cải tiến chất lượng (Phụ lục 3).

3. Căn cứ theo Điều 27, Thông tư số 62/2012/BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng kiến nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Bình Dương theo các quy định hiện hành./.

**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

**GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KĐCLGD – ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
PGS.TS. Đoàn Quang Vinh**

PHỤ LỤC 1
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ (TĐG) VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI (ĐGN)
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÌNH DƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐKĐCLGD ngày 22 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng
Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHDN)

Tiêu chuẩn, Tiêu chí	TĐG	ĐGN		Tiêu chuẩn, Tiêu chí	TĐG	ĐGN
Tiêu chuẩn 1:				Tiêu chuẩn 6:		
Tiêu chí 1.1	Đạt	Đạt		Tiêu chí 6.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 1.2	Đạt	Đạt		Tiêu chí 6.2	Đạt	Đạt
Tiêu chuẩn 2:				Tiêu chí 6.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.1	Đạt	Đạt		Tiêu chí 6.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.2	Đạt	Đạt		Tiêu chí 6.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.3	Đạt	Đạt		Tiêu chí 6.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.4	Đạt	Đạt		Tiêu chí 6.7	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.5	Đạt	Đạt		Tiêu chí 6.8	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.6	Đạt	Chưa đạt		Tiêu chí 6.9	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 2.7	Đạt	Đạt		Tiêu chuẩn 7:		
Tiêu chuẩn 3:				Tiêu chí 7.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.1	Đạt	Đạt		Tiêu chí 7.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.2	Đạt	Chưa đạt		Tiêu chí 7.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.3	Đạt	Đạt		Tiêu chí 7.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.4	Đạt	Đạt		Tiêu chí 7.5	Chưa đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 3.5	Đạt	Đạt		Tiêu chí 7.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.6	Đạt	Chưa đạt		Tiêu chí 7.7	Đạt	Đạt
Tiêu chuẩn 4:				Tiêu chuẩn 8:		
Tiêu chí 4.1	Đạt	Đạt		Tiêu chí 8.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.2	Đạt	Đạt		Tiêu chí 8.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.3	Đạt	Chưa đạt		Tiêu chí 8.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.4	Đạt	Chưa đạt		Tiêu chuẩn 9:		
Tiêu chí 4.5	Đạt	Đạt		Tiêu chí 9.1	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 4.6	Đạt	Chưa đạt		Tiêu chí 9.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.7	Đạt	Đạt		Tiêu chí 9.3	Đạt	Đạt
Tiêu chuẩn 5:				Tiêu chí 9.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.1	Đạt	Đạt		Tiêu chí 9.5	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 5.2	Đạt	Đạt		Tiêu chí 9.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.3	Đạt	Đạt		Tiêu chí 9.7	Chưa đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 5.4	Đạt	Đạt		Tiêu chí 9.8	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.5	Đạt	Đạt		Tiêu chí 9.9	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.6	Đạt	Chưa đạt		Tiêu chuẩn 10:		
Tiêu chí 5.7	Đạt	Đạt		Tiêu chí 10.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.8	Đạt	Đạt		Tiêu chí 10.2	Đạt	Đạt
				Tiêu chí 10.3	Đạt	Đạt

**TỔNG HỢP CHUNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NGOÀI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÌNH DƯƠNG**

Tiêu chuẩn	Số tiêu chí trong từng tiêu Chuẩn	Kết quả đánh giá			
		Đạt		Chưa đạt	
		Số tiêu chí	Tỉ lệ	Số tiêu chí	Tỉ lệ
Tiêu chuẩn 1	2	2	100%	0	0%
Tiêu chuẩn 2	7	6	85,71%	1	14,29%
Tiêu chuẩn 3	6	4	66,67%	2	33,33%
Tiêu chuẩn 4	7	4	57,14%	3	42,86%
Tiêu chuẩn 5	8	7	87,50%	1	12,50%
Tiêu chuẩn 6	9	8	88,89%	1	11,11%
Tiêu chuẩn 7	7	5	71,43%	2	28,57%
Tiêu chuẩn 8	3	3	100%	0	0%
Tiêu chuẩn 9	9	6	66,67%	3	33,33%
Tiêu chuẩn 10	3	3	100%	0	0%
Tổng	61	49	80,33%	12	19,67%

Tổng hợp

Kết quả đánh giá	Đạt	Chưa đạt	Không đánh giá
Số tiêu chí/tổng số	49/61	12/61	0
Tỉ lệ %	80,33%	19,67%	0

PHỤ LỤC 2

CÁC ĐIỂM MẠNH CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÌNH DƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐKĐCLGD ngày 22 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHDN)

1. Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học

Năm 2010, Trường ĐH Bình Dương đã chính thức công bố sứ mạng của Trường (Văn bản số 19/TB-ĐHBD, ngày 18/02/2010). Nội dung sứ mạng của Nhà trường thể hiện sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ cũng như nguồn lực của một cơ sở giáo dục ĐH tư thục. Nội dung sứ mạng của Nhà trường đã gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh Bình Dương trong các giai đoạn 2010-2015, 2016-2020 cũng như Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020 của Chính phủ. Sau khi chính thức công bố nội dung sứ mạng, Nhà trường đã tổ chức cho các bên liên quan trong trường đóng góp ý kiến. Năm 2016, trong quá trình chuẩn bị xây dựng Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2025, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến của GV, CBVC, người lao động cho việc bổ sung, điều chỉnh tầm nhìn và giá trị cốt lõi. Nội dung sứ mạng được công bố công khai để GV, CBVC, người lao động, người học biết và thực hiện. Mục tiêu của Trường phù hợp với mục tiêu đào tạo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục ĐH và sứ mạng đã được xác định (công bố năm 2010 và 2016). Trên cơ sở mục tiêu chung đã được xác định, Nhà trường đã xây dựng mục tiêu cụ thể cho từng lĩnh vực trong Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2010-2015 và tầm nhìn 2020, Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn 2025. Để triển khai thực hiện mục tiêu chiến lược, Nhà trường đã xây dựng và ban hành các kế hoạch trung hạn, kế hoạch ngắn hạn (theo năm học). Mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể đã được quán triệt, phổ biến đến toàn thể GV, CBVC, người lao động.

2. Tổ chức và quản lý

Nhà trường có cơ cấu tổ chức đúng theo quy định của Điều lệ trường ĐH và các quy định liên quan khác đối với trường ĐH tư thục, có Quy chế về tổ chức và hoạt động ban hành theo Quyết định số 43A/QĐ-ĐHBD ngày 28/01/2013 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, trong đó có Ban Đảm bảo chất lượng (Office of Quality Assurance) được đổi tên từ Ban Kiểm định chất lượng theo Quyết định số 481/QĐ-ĐHBD ngày 30/12/2017, đã triển khai công tác theo quy định. Hệ thống các văn bản của Nhà trường phân định rõ ràng chức năng,

trách nhiệm, quyền hạn và điều chỉnh mối quan hệ giữa các bộ phận, CBQL, GV và nhân viên. Hệ thống văn bản quản lý, điều hành và các báo cáo đầy đủ, được quản lý, bảo quản tốt bằng phần mềm và bằng văn bản giấy. Hoạt động của Nhà trường được triển khai theo chiến lược và kế hoạch ngắn hạn hằng năm, trung hạn ba năm và dài hạn năm năm theo sứ mạng và định hướng phát triển của Nhà trường. Các tổ chức Đảng, đoàn thể trong trường hoạt động hiệu quả, được cơ quan cấp trên đánh giá tốt và khen thưởng. Nhà trường đã được cấp Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 năm 2010 và được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì năm 2017.

3. Chương trình đào tạo

Các CTĐT của Trường đều thuộc danh mục được phép đào tạo, được điều chỉnh và thiết kế phù hợp với các yêu cầu của Bộ GD&ĐT, có sự tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế và ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Các CTĐT của Trường được thiết kế hợp lý theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT và định hướng nghề nghiệp của Trường. Trong các CTĐT thể hiện rõ trình độ đào tạo, đối tượng đào tạo, mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp. Nhà trường đã ban hành các quy trình, quy định và hướng dẫn về điều chỉnh CTĐT. Chuẩn đầu ra của các CTĐT được ban hành từ năm 2013 và được điều chỉnh năm 2014. Các CTĐT của Nhà trường đã được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo khác. Nhà trường đã có chủ trương sử dụng CTĐT hệ chính quy cho tất cả các loại hình đào tạo thuộc hệ giáo dục thường xuyên và từ xa. Các CTĐT của Nhà trường đã được định kỳ rà soát, cải tiến nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực tại địa phương và trong cả nước.

4. Hoạt động đào tạo

Nhà trường có các hình thức đào tạo khác nhau, có liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước nhằm đáp ứng nhu cầu của người học. Quy trình thực hiện chuyển đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học. Các quy định về công tác tổ chức hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả người học được ban hành hợp lý và phù hợp với CTĐT. Nhà trường xây dựng ngân hàng câu hỏi thi đối với một số học phần cơ bản. Nhà trường đã thực hiện đánh giá chất lượng giảng dạy của GV thông qua việc lấy ý kiến người học sau kết thúc mỗi học kỳ. Nhà trường đã sử dụng phần mềm Edusoft để quản lý công tác đào tạo, trong đó có

quản lý kết quả học tập. Kết quả học tập được lưu trữ an toàn bằng file điện tử và bằng giấy. Bài thi của SV được lưu trữ tập trung tại kho của Trung tâm Khảo thí, có biện pháp đảm bảo an toàn và phòng cháy chữa cháy. Kết quả học tập được thông báo đầy đủ và kịp thời đến người học. Văn bằng chứng chỉ được cấp phát đúng quy định và công bố trên trang thông tin điện tử của Trường. Cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo bao gồm thông tin đầu vào, kết quả học tập, tốt nghiệp, CTĐT, và tình hình việc làm của người học tốt nghiệp được cập nhật tương đối đầy đủ. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc đánh giá chất lượng người học sau khi tốt nghiệp qua 3 kênh: SV vừa tốt nghiệp, cựu SV và nhà tuyển dụng lao động; làm cơ sở để xây dựng, rà soát, điều chỉnh các CTĐT hiện hành.

5. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Nhà trường đã quan tâm đến công tác tuyển dụng cán bộ, có quy chế, quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, công khai; có chính sách đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường thông qua việc tạo điều kiện cho CBQL, GV được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn trong và ngoài nước và định kỳ tổ chức nhiều lớp đào tạo kỹ năng cho GV, NV tại trường. Đội ngũ CBQL có năng lực chuyên môn, phẩm chất đáp ứng yêu cầu công việc, được bố trí phù hợp với vị trí đảm nhận và được đánh giá hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ hằng năm theo tiêu chuẩn đánh giá của Trường. GV, NV được đảm bảo các quyền dân chủ, được tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao trình độ, về cơ bản trình độ ngoại ngữ và tin học đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Đội ngũ kỹ thuật viên đảm bảo về số lượng được đánh giá định kỳ hằng năm về hiệu quả phục vụ cho giảng dạy, học tập và NCKH.

6. Người học

Nhà trường có hướng dẫn về CTĐT, đề cương môn học, kiểm tra đánh giá ở các bậc đào tạo cử nhân, hệ chính quy; đảm bảo các chế độ chính sách cho người học; tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, rèn luyện đạo đức lối sống và hỗ trợ trong sinh hoạt, học tập, NCKH, tìm kiếm việc làm cho các SV hệ đào tạo chính quy của Nhà trường. Trong 5 năm qua, người học của Trường được tặng thưởng nhiều bằng khen, giấy khen của các cấp; tỷ lệ SV vi phạm các vấn đề về đạo đức, lối sống hầu như không có. Các tổ chức Đảng, Đoàn thể làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nhờ đó hầu hết SV của Trường

có ý thức chấp hành tốt pháp luật, chính sách của Nhà nước, các nội quy, quy định của Nhà trường. Nhà trường có Trung tâm Nghề nghiệp và Hỗ trợ doanh nghiệp để hỗ trợ cho người học tiếp cận các thông tin việc làm, cập nhật các thông tin tuyển dụng hằng ngày thuộc nhiều lĩnh vực đến người học. Bên cạnh đó, Nhà trường có 02 trang thông tin điện tử và 01 trang mạng xã hội để hỗ trợ tìm kiếm và cung cấp thông tin việc làm cho người học. Trường có mối quan hệ hợp tác tốt với các nhà tuyển dụng, đào tạo nhằm hỗ trợ cho SV tìm được việc làm phù hợp sau tốt nghiệp, nhờ đó, tỷ lệ SV có việc làm đúng ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp chiếm tỷ lệ từ 52-56%.

7. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ

Nhà trường đã ban hành Kế hoạch phát triển chiến lược dài hạn giai đoạn 2010-2015 và tầm nhìn đến năm 2020 (4/2010), Kế hoạch phát triển giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2025 (4/2016), trong đó vạch ra kế hoạch phát triển về khoa học công nghệ, đề ra một số chỉ tiêu chung về phát triển về NCKH và CGCN, cũng như các chỉ tiêu cụ thể hằng năm. Nhà trường cũng đã xây dựng các kế hoạch phát triển trung hạn (năm 2010-2012, 2013-2015, 2016-2018), trong đó đã nêu tương đối cụ thể các chỉ tiêu kế hoạch về KHCN và HTQT cho từng giai đoạn ngắn hạn. Hằng năm, Nhà trường đã ban hành các Kế hoạch khoa học công nghệ, trong đó nêu rõ mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và các giải pháp thực hiện. Phòng NCKH (thành lập năm 2009, nay là phòng Quản lý NCKH) chịu trách nhiệm chính trong việc quản lý các hoạt động NCKH của Nhà trường. Các công bố khoa học/bài báo/đề tài của Nhà trường tương đối đa dạng, trải rộng trên nhiều lĩnh vực khác nhau như công nghệ sinh học, tài chính kế toán, CNTT, quản trị kinh doanh, kỹ thuật xây dựng..., nhìn chung phù hợp Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường trở thành ĐH đa lĩnh vực. Nhà trường cũng thực hiện một số hợp tác về NCKH với một số trường ĐH và cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước (bài báo công bố chung, hợp tác thực hiện đề tài NCKH, như với Trường ĐHQG Belarus). Nhà trường đã thực hiện đề tài cấp Tỉnh với Sở KH&CN Tỉnh Cà Mau về Thí điểm xây dựng bờ kè chống lở sông Cái Tàu (năm 2015), đưa ra được giải pháp bờ kè chống sạt lở bờ sông bằng bao sinh thái áp dụng cho khu vực Tỉnh Cà Mau. Nhà trường đã ban hành Quy định NCKH (số 281/QĐ-ĐHBD, 7/2013), quy định đầy đủ tiêu chuẩn và nhiệm vụ của chủ nhiệm đề tài, quy định tiêu chuẩn năng lực đạo đức trong các hoạt động KHCN (số 567/QĐ-ĐHBD, 12/2015), quy định rõ ràng về tiêu chuẩn năng lực, đạo đức,

các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động KHCN, Quy định về sở hữu trí tuệ (số 607/QĐ-ĐHBD, 12/2013)... Nhà trường cũng đã có công văn phổ biến các văn bản nói trên đến CBGV. Trong thời gian qua, không ghi nhận trường hợp khiếu nại/khởi kiện về hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

8. Hoạt động hợp tác quốc tế

Nhà trường đã ban hành nhiều văn bản quy định và hướng dẫn về HTQT: Quy định về quản lý hoạt động hợp tác quốc tế (2011), Quy trình đón tiếp khách quốc tế (2012), Quy trình tổ chức Hội nghị, hội thảo quốc tế (2013), Quy định đối với tình nguyện viên người nước ngoài tham gia công tác tại trường (2014),... trong đó có quy định về đoàn ra, đoàn vào để quản lý cán bộ của Trường đi công tác, học tập nước ngoài, cũng như các khách quốc tế đến làm việc tại trường; thường xuyên phối hợp và báo cáo với các cấp có thẩm quyền liên quan, đảm bảo các hoạt động hợp tác quốc tế tuân thủ các quy định hiện hành. Các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của Ban Giám hiệu và dựa trên các quy định về HTQT của Nhà trường. Trong vòng 5 năm qua, Nhà trường đã ký kết được 44 biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác với nhiều trường ĐH, CĐ trên thế giới, như Trường ĐHQG Belarus, Trường KH&CN AGH,... nội dung hợp tác thể hiện trên nhiều lĩnh vực tổ chức hội nghị, hội thảo, hợp tác NCKH, liên kết đào tạo, trao đổi GV... Nhà trường đã cử nhiều CB, GV, SV đi tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm ở nước ngoài, cũng như mời nhiều GV, tình nguyện viên nước ngoài đến trao đổi học thuật, tham gia các hoạt động đào tạo (từ 2012-2017 đã có 93 lượt CBGV, SV đi nước ngoài học tập, trao đổi kinh nghiệm; 18 lượt GV, tình nguyện viên nước ngoài đến Trường tham gia các hoạt động đào tạo, NCKH). Nhà trường đã tiếp nhiều đoàn khách quốc tế đến làm việc tại trường. Trong giai đoạn 2012-2017, Nhà trường đã phối hợp với các tổ chức, các trường ĐH trong và ngoài nước tổ chức được 03 hội thảo quốc tế. Thông qua HTQT, nhiều công ty, trường ĐH nước ngoài đã tài trợ cho Trường nhiều xuất học bổng khuyến khích học tập cho SV. Tính từ năm 2012-2017, tổng kinh phí tài trợ học bổng cho SV khoảng 1,48 tỷ đồng. Nhà trường đã thực hiện các đề tài hợp tác nghiên cứu với trường ĐH nước ngoài như Trường ĐHQG Belarus (2017)...; đã thực hiện được một số công bố chung (bài báo, báo cáo hội nghị khoa học...) với các nhà khoa học nước ngoài. Nhà trường đã xây dựng được một số chương trình liên kết đào tạo quốc tế với các trường ĐH nước ngoài, như liên kết đào tạo thạc sĩ với Trường ĐH Benedictine (Hoa Kỳ), liên kết đào tạo thạc sĩ với Trường ĐH Assumption (Thái Lan), liên kết đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh và Quản trị tiếp thị với Trường ĐH Assumption (Thái Lan)...

9. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Nhà trường hiện có 06 cơ sở đào tạo với diện tích phòng học, giảng đường, hội trường là 17.046m², diện tích phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập là 2.004m² đáp ứng đủ yêu cầu về số phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng thực hành phục vụ cho dạy, học và NCKH đảm bảo theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 3981-85 với diện tích bình quân là 3,9m²/1SV. Phòng học, giảng đường, hội trường được trang bị đầy đủ thiết bị dạy và học như: máy chiếu, màn chiếu, hệ thống âm thanh, quạt, bảng, bàn ghế học sinh, bàn ghế giáo viên để phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập. Nhà trường có đủ phòng làm việc cho CB, GV và NV cơ hữu với tổng diện tích sàn xây dựng là 2.639,6m². Thư viện của Nhà trường hiện có đầy đủ các nhan đề sách, giáo trình, tài liệu tham khảo theo yêu cầu của các CTĐT, được cập nhật định kỳ, có hệ thống máy tính được kết nối mạng internet đảm bảo cho SV tra cứu tài liệu và học tập. Phần mềm quản lý thư viện có bản quyền, việc quản lý bạn đọc, quản lý việc mượn sách, trả sách thuận lợi, khoa học. Số lượng bạn đọc đến thư viện ngày càng tăng. Nhà trường đã trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH, với 664 máy vi tính, 35 máy chiếu đa năng, 43 bộ âm ly được trang bị cố định tại các phòng học, phòng máy thực hành. Nhà trường đã trang bị các phần mềm chuyên dụng có bản quyền theo nhu cầu của đào tạo, NCKH và quản lý. Hằng năm, Nhà trường tiến hành công tác kiểm kê tài sản theo đúng quy định, đã thực hiện việc đánh giá, kiểm kê về chất lượng trang thiết bị; có sổ theo dõi tần suất sử dụng và khai thác trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH; có quy định cụ thể về mua sắm trang thiết bị hằng năm. Nhà trường đã ký kết hợp đồng ký túc xá liên kết 3 bên “nhà trường, chủ nhà và sinh viên” với 15 ký túc xá dưới hình thức hợp đồng nguyên tắc sử dụng nhà ở của người dân để bố trí chỗ ở cho SV với diện tích là 14.651m². Đây là một mô hình ký kết hợp đồng, khai thác ký túc xá theo hướng xã hội hóa phù hợp với mô hình hoạt động của nhà trường. Nhà trường đã có những biện pháp hữu hiệu nhằm bảo vệ tài sản, trật tự cho CBVC, GV, và người học; có hồ sơ, phương án PCCC được phê duyệt của cảnh sát PCCC. Nhà trường đã được Chủ tịch UBND Tỉnh Bình Dương công nhận là trường đạt chuẩn về an toàn, an ninh trật tự trên địa bàn năm 2014, 2016.

10. Tài chính và quản lý tài chính

Nhà trường là cơ sở đào tạo ngoài công lập, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo quy định chế độ kế toán của doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trong 5

năm qua đã có các giải pháp tăng nguồn thu hợp pháp qua các năm. Việc lập kế hoạch tài chính và xây dựng phương án thu, chi được quy định, có biểu mẫu để thực hiện và theo đúng quy định. Việc phân bổ tài chính cho các đơn vị được công khai và xuất phát từ nhu cầu, hiệu quả của chính các đơn vị và trên cơ sở xác định các hoạt động cụ thể.

PHỤ LỤC 3

CÁC KHUYẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÌNH DƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐKĐCLGD ngày 22 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQĐN)

1. Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học

Trên cơ sở nội dung sứ mạng, mục tiêu chiến lược và tiềm lực của đơn vị, Nhà trường cần xác định định hướng xây dựng Trường thành trường ĐH nghiên cứu/ứng dụng hoặc thực hành; từ đó có kế hoạch rà soát, điều chỉnh mục tiêu chiến lược để phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và định hướng phát triển. Nhà trường xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan ngoài trường; các ý kiến khảo sát cần được tổng hợp, đánh giá làm nguồn tham khảo quan trọng trong việc điều chỉnh, bổ sung sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu cũng như các giải pháp, chỉ tiêu thực hiện. Bên cạnh xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển, các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn, Nhà trường cần quan tâm xây dựng các kế hoạch chiến lược theo từng lĩnh vực đã được xác định trong Kế hoạch chiến lược phát triển với những giải pháp và chỉ số, chỉ tiêu cụ thể nhằm thực hiện hiệu quả sứ mạng, tầm nhìn của đơn vị. Nhà trường cần quan tâm hơn nữa công tác xây dựng đội ngũ GV, CBVC, người lao động đủ về số lượng, đạt chuẩn về chất lượng, trình độ, cũng như từng bước tăng cường CSVC, trang thiết bị đảm bảo điều kiện cho các hoạt động đào tạo, NCKH nhằm hoàn thành sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược của Trường. Để giúp mọi thành viên của các đơn vị trực thuộc quán triệt và hiểu rõ mục tiêu chiến lược của Trường và thực hiện có hiệu quả trong công tác, Nhà trường cần xây dựng các kế hoạch trung hạn, ngắn hạn gắn liền với các chỉ số, chỉ báo, chỉ tiêu cụ thể bên cạnh hệ thống giải pháp khả thi để đạt được mục tiêu chiến lược trong từng giai đoạn và định kỳ được tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm. Để đạt được sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của Nhà trường trong giai đoạn tiếp theo, với năng lực đội ngũ, CSVC, trang thiết bị hiện tại cần được lãnh đạo trường quan tâm, chỉ đạo quyết liệt và có kế hoạch cụ thể với tính khả thi cao để tăng cường hơn nữa năng lực của đơn vị đáp ứng đòi hỏi của nhiệm vụ đặt ra.

2. Tổ chức và quản lý

Cần tăng cường định kỳ rà soát quy chế tổ chức và hoạt động, thu thập thông tin phản hồi, đánh giá CB, GV và NV theo chức năng, trách nhiệm và quyền hạn để kiểm chứng sự phân định cho các bộ phận, cá nhân một cách rõ

ràng, hợp lý và hiệu quả trong thực tế và cập nhật vào Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. Công đoàn cần quan tâm tất cả các mặt hoạt động theo chức năng quy định, nắm bắt sâu sát tâm tư nguyện vọng của công đoàn viên, Đoàn Thanh niên và Hội SV tích cực tìm kiếm các biện pháp và hình thức hấp dẫn, phù hợp để tập hợp được đông đảo hơn SV tham gia vào các hoạt động, tạo môi trường tốt cho sinh hoạt và rèn luyện. Tổ chức việc giám sát, đánh giá chặt chẽ các chiến lược, kế hoạch; tham khảo ý kiến các bên liên quan; kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của Nhà trường và sự phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh Bình Dương và cả nước theo từng thời kỳ và có tính khả thi cao. Nhà trường cần quan tâm hơn trong công tác quản lý quy trình phát hành văn bản, tăng cường trách nhiệm của Ban Pháp chế, hạn chế văn bản có số A.

3. Chương trình đào tạo

Nhà trường cần tiếp tục rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của các CTĐT và sớm bổ sung CDR của các đề cương chi tiết học phần, cần bổ sung chi tiết hơn phần kiểm tra đánh giá môn học để gắn liền với CDR môn học và CDR của CTĐT. Bên cạnh các CTĐT đại trà, Nhà trường nên xây dựng thêm các chương trình tiên tiến, chương trình chất lượng cao. Nhà trường cần có kế hoạch triển khai tự đánh giá, đánh giá đồng cấp hay kiểm định chất lượng theo các bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT (Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH).

4. Hoạt động đào tạo

Nhà trường cần tăng cường hình thức thi trực tuyến nhằm giảm thời gian và tăng tính khách quan của các kỳ thi. Nhà trường cần tiến hành xây dựng và triển khai thực hiện hệ thống ngân hàng câu hỏi, đề thi đối với tất cả các học phần của các CTĐT. Nhà trường cần bổ sung vào đề cương chi tiết các học phần các nội dung liên quan đến hình thức, cách thức kiểm tra, đánh giá, đảm bảo tính đa dạng trong đánh giá, đánh giá được kiến thức kỹ năng và năng lực của người học theo quá trình học tập, có yêu cầu rõ về hình thức kiểm tra, đánh giá như: viết, vấn đáp, bài tập lớn, đồ án, luận án, luận văn, trắc nghiệm khách quan v.v. Nhà trường cần rà soát, bổ sung một số khâu trong quy định về quy trình thi, đánh giá môn học đảm bảo tính khách quan và an toàn, đặc biệt lưu ý một số khâu như địa điểm chấm thi, cách thức thẩm định, duyệt đề thi, rọc phách bài

thi. Nhà trường cần thu thập thông tin và cập nhật CSDL về hoạt động đào tạo, bao gồm dữ liệu về ĐBCL các CTĐT, tình hình việc làm phù hợp với ngành đào tạo và thu nhập của SV tốt nghiệp đầy đủ qua nhiều hình thức như: phiếu khảo sát qua thư, online, Hội Cựu Sinh viên, hoặc tiếp xúc trực tiếp... để có số liệu đầy đủ, có độ tin cậy cao; thống nhất quản lý, khai thác, sử dụng. Nhà trường cần tăng cường việc sử dụng kết quả khảo sát chất lượng SV tốt nghiệp vào công tác đánh giá chất lượng và điều chỉnh hoạt động đào tạo phù hợp với yêu cầu xã hội.

5. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Nhà trường cần quan tâm xây dựng và triển khai thực hiện một cách hệ thống và khoa học chiến lược phát triển, quy hoạch ngành/chuyên ngành đào tạo, quy hoạch định hướng nghiên cứu, quy hoạch đội ngũ làm định hướng cho công tác phát triển lực lượng CBQL, GV và NV. Nhà trường cần xây dựng kế hoạch/chiến lược phát triển nguồn nhân lực gắn với mục tiêu phát triển Trường. Việc lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cần thể hiện sự chủ động và theo vị trí công việc. Hệ thống đánh giá theo vị trí công việc và theo kết quả thực hiện nhiệm vụ cũng cần được xây dựng bài bản trong toàn trường. Nhà trường cần thường xuyên rà soát các văn bản quản lý điều hành cũng như đánh giá, giám sát các hoạt động để có biện pháp điều chỉnh kịp thời. Nhà trường cần chú trọng hơn nữa đến công tác tuyển dụng đội ngũ có trình độ cao thông qua đa dạng hóa nguồn tuyển; cần rà soát tỷ lệ SV/GV đối với từng ngành, căn cứ đội ngũ thực tế của đơn vị để điều chỉnh tỷ lệ này cho phù hợp với điều kiện ĐBCLGD quy định của Nhà nước và định hướng phát triển của đơn vị. Nhà trường cần xây dựng kế hoạch để chủ động trong việc đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ GV, NV, kỹ thuật viên.

6. Người học

Nhà trường nên đưa kế hoạch đào tạo, khung CTĐT của từng ngành học vào Sổ tay SV để SV tiện theo dõi trong quá trình học tập. Nhà trường cần sớm xây dựng Ký túc xá, trang bị thêm trang thiết bị phục vụ các hoạt động thể dục thể thao nhằm đảm bảo tốt hơn nhu cầu học tập, sinh hoạt và rèn luyện thể chất cho SV. Nhà trường định kỳ tiến hành khảo sát về phản hồi của người học khi tiếp nhận các quy định của Trường, từ đó có những điều chỉnh phù hợp nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của người học. Nhà trường cần tăng cường kết nối SV với các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp. Nhà trường cần phối hợp chặt chẽ với

các khoa, tăng cường liên hệ với cựu SV nhằm cập nhật kịp thời và chính xác thông tin cựu SV, để có đầy đủ CSDL về tình trạng việc làm của SV sau 1 năm tốt nghiệp. Nhà trường cần tổ chức khảo sát về tình trạng việc làm của SV sau tốt nghiệp các hệ đào tạo một cách có hệ thống và định kỳ hằng năm. Nhà trường nên xây dựng Bộ phiếu khảo sát dành cho người học đánh giá chất lượng giảng dạy của GV và chất lượng CTĐT đầy đủ các nội dung, từ đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục ĐH. Việc tổ chức cho người học đánh giá các hoạt động của Nhà trường cần được tiến hành theo quy định chung của Bộ GD&ĐT và của Trường. Nhà trường nên xây dựng quy trình xử lý các khuyến nghị hoặc sử dụng các kết quả đánh giá của người học để có cải tiến về chất lượng đào tạo.

7. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ

Kế hoạch KHCN từng năm cần đưa ra các chỉ tiêu cụ thể cần đạt được, dựa trên chỉ tiêu kế hoạch trung hạn và dài hạn của Nhà trường; đồng thời cần có kế hoạch cho các hoạt động khác như đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, phòng thí nghiệm phục vụ NCKH và CGCN. Công tác thống kê về đề tài NCKH cần được cải tiến, bổ sung mã số đề tài, thời điểm triển khai, nghiệm thu, thời gian gia hạn...; nên phân loại đề tài thành các loại như đề tài hợp tác với các đối tác quốc tế, doanh nghiệp, đề tài gắn kết với đào tạo... nhằm dễ dàng hơn trong việc định hướng NCKH, đảm bảo hướng nghiên cứu ưu tiên. Nhà trường cần có chính sách khuyến khích và chế tài đủ mạnh nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH trong GV; tăng cường tiếp cận các đề tài cấp NN/Bộ/Tỉnh tương xứng với tiềm lực của đội ngũ khoa học của Trường; cần có chính sách hỗ trợ phù hợp nhằm đảm bảo hoạt động KHCN được triển khai đồng đều hơn giữa các đơn vị trong trường. Nhà trường cần xác định hướng nghiên cứu ưu tiên ở những lĩnh vực có thế mạnh như công nghệ sinh học...; nên tập trung xây dựng một số nhóm nghiên cứu mạnh để tìm kiếm đề tài các cấp Nhà nước/Bộ/Tỉnh. Nhà trường cần tăng cường hợp tác về NCKH với các doanh nghiệp/địa phương; tiếp cận với nhiều tổ chức, đối tác, đề tài dự án,...; tăng cường hợp tác về NCKH với các trường ĐH và viện nghiên cứu, đặc biệt với nước ngoài ở những thế mạnh của Trường; có biện pháp đẩy mạnh hoạt động NCKH và CGCN của Trung tâm Tin-Y-Sinh, Viện Đào tạo Mở và NCPT, dựa trên nhu cầu bức thiết của khu vực Bình Dương, Cà Mau và vùng phụ cận, nhằm tăng nguồn thu của Nhà trường từ NCKH. Nhà trường cần xem xét và có biện pháp đảm bảo nghĩa vụ đối với hoạt

động NCKH của GV và SV theo Nghị định số 99/2014/NĐ-CP của Chính phủ, bảo đảm nguồn chi cho các hoạt động KHCN của GV và SV. Nhà trường cần xây dựng các quy định về liên chính học thuật đối với SV và học viên SĐH, khi thực hiện ĐATN, luận văn cao học, luận án tiến sĩ. Nhà trường nên khuyến khích và tạo điều kiện để CBGV đăng ký bằng sáng chế, giải pháp hữu ích, khẳng định uy thế của Trường đối với khu vực Bình Dương, Cà Mau và vùng phụ cận.

8. Hoạt động hợp tác quốc tế

Nhà trường cần rà soát, hiệu chỉnh văn bản về HTQT, phân cấp giữa các đơn vị trong hoạt động HTQT, chú trọng đến việc phát huy vai trò chủ động của các khoa và các GV để việc hợp tác có chiều sâu và mang lại hiệu quả cao hơn. Nhà trường cần rà soát, triển khai và phát huy hiệu quả của các CTĐT liên kết quốc tế đã ký kết, đồng thời triển khai thêm các chương trình liên kết quốc tế phù hợp với định hướng phát triển của Trường. Nhà trường nên thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả của các MOU đã được ký kết; nên chọn lọc và xác định các đối tác chiến lược trong HTQT về NCKH và đào tạo; quan tâm hơn nữa trong việc tìm nguồn học bổng, tài trợ để cử nhiều CB, GV đi học SĐH ở nước ngoài. Nhà trường cần đẩy mạnh hoạt động HTQT về NCKH, triển khai thực hiện các đề tài/dự án NCKH tương ứng với các thế mạnh của Trường với các trường và viện nghiên cứu nước ngoài, nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH, đẩy mạnh việc ứng dụng kết quả NCKH vào thực tế, đồng thời tăng số lượng và chất lượng công bố chung quốc tế.

9. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Nhà trường cần đẩy mạnh tiến độ triển khai dự án đầu tư mở rộng phân hiệu tại Cà Mau với diện tích 131.997,7m² nhằm đảm bảo điều kiện về sử dụng đất theo tiêu chuẩn Việt Nam quy định. Khẩn trương tiến hành triển khai lập bản đồ quy hoạch 1/500 giai đoạn 5 năm tới, có tầm nhìn đến năm 2025 để trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt chính thức, đặc biệt là các khu vực đang chuẩn bị đầu tư của Trường. Nhà trường cần lập quy hoạch tổng thể, xây dựng bản quy hoạch, kế hoạch chiến lược sử dụng và phát triển CSVC trung hạn và dài hạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Bản kế hoạch khai thác và phát triển CSVC của Nhà trường hằng năm cần bổ sung kế hoạch mua sắm CSVC và được Ban Giám hiệu phê duyệt. Nhà trường cần có kế hoạch tăng cường thêm số lượng bản sách trong thư viện để phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu của GV, học

viên và SV. Nhà trường cần có kế hoạch mở rộng diện tích thư viện, phòng tự học, phòng máy tính. Thư viện trường cần tăng cường các dự án HTQT liên kết, khai thác, bổ sung nguồn tài liệu, sách tham khảo, tạp chí chuyên ngành với các thư viện nước ngoài. Nhà trường cần nghiên cứu phương án, giải pháp xã hội hóa, có kế hoạch bố trí nguồn kinh phí xây dựng ký túc xá, nhà thi đấu thể thao cho CB, GV, SV theo quy hoạch chung của Trường. Nhà trường cần tiến hành cải tạo một số phòng làm việc cũ, các tòa nhà đã xuống cấp nhiều như khu làm việc của Phòng Đào tạo, Phòng Công tác sinh viên và các đoàn thể, tầng 4 khu nhà B, khu E,... Nhà trường cần bổ sung, mua sắm các máy tính có cấu hình mạnh, đáp ứng các phần mềm mô phỏng, tính toán, thiết kế để phục vụ thực hành, học tập cho các SV ngành như Xây dựng, Kiến trúc, Điện-Điện tử,... Nhà trường cần bổ sung các nội dung khảo sát ý kiến phản hồi của SV, CBVC liên quan đến mức độ đáp ứng CSVC của Trường trong các lĩnh vực như phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, trang thiết bị dạy học, thiết bị tin học để phục vụ cho hoạt động giảng dạy, NCKH của từng ngành đào tạo. Nhà trường cần định kỳ khảo sát CB, GV, sinh viên bằng phiếu câu hỏi, trên cơ sở đó có kế hoạch khắc phục các vấn đề còn tồn tại do CBVC và SV nêu ra.

10. Tài chính và quản lý tài chính

Nhà trường cần có giải pháp để tăng các nguồn thu hợp pháp từ hoạt động đào tạo khác, hoạt động NCKH và các hoạt động tư vấn chính sách pháp luật; việc xây dựng kế hoạch tài chính cần bám sát các mục tiêu chiến lược đề ra; Nhà trường cần thực hiện đúng các quy định trong quản lý, sử dụng nguồn thu học phí, lệ phí và nguồn khác. Nhà trường cần điều chỉnh Quy chế Chi tiêu nội bộ để tăng mức chi cho hoạt động KHCN theo quy định của Nghị định 99/2014/NĐ-CP; cần có chính sách và tài chính chi cho các hoạt động bồi dưỡng, nâng cao trình độ của GV.